

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)

Công ty thành viên của *JPA International*

Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khoe, phường 13, quận 5, Tp.HCM

Chi nhánh Đà Nẵng : 63/5 Trần Quốc Toản, Phường Phước Ninh,

Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Email : contact@vietvalues.com

Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

MỤC LỤC

| Nội dung | Trang |
|---|--------------|
| 1. Báo cáo của Ban điều hành | 02 - 04 |
| 2. Báo cáo kiểm toán độc lập | 05 - 06 |
| 3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 | 07 - 08 |
| 4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 | 09 |
| 5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 | 10 |
| 6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 | 11 - 41 |



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, thành phố Huế

Báo cáo của Ban Điều hành

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo Quyết định số 3932/QĐ-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ Giao thông Vận tải từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Chân Mây. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3300515171 ngày 26/06/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Huế cấp, Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Cổ phiếu của Công ty đã đăng ký và được cấp mã chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam tại Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 117/2015/GCNCP-VSD ngày 01/12/2015 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hiện nay đang niêm yết trên sàn UPCoM với mã chứng khoán là CMP.

Vốn điều lệ: 324.054.150.000 đồng

Vốn góp thực tế tính đến ngày 31/12/2024: 324.054.150.000 đồng

2. Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, thành phố Huế, Việt Nam

Điện thoại : (+84) 234 – 3 891 841

Fax: : (+84) 234 – 3 891 838

3. Ngành nghề kinh doanh

- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Sản xuất, truyền tải, phân phối điện;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;

==
30
03
C
71
==

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, thành phố Huế

Báo cáo của Ban Điều hành (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

- Dịch vụ cung ứng tàu biển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

4. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|---------------------|------------|----------------------|-----------------|
| Ông Dương Bá Hòa | Chủ tịch | 08 tháng 05 năm 2020 | |
| Ông Huỳnh Văn Toàn | Thành viên | 17 tháng 12 năm 2020 | |
| Ông Trần Văn Phong | Thành viên | 08 tháng 05 năm 2020 | |
| Bà Hồ Hoàng Thi | Thành viên | 08 tháng 05 năm 2020 | |
| Ông Nguyễn Tiến Đạt | Thành viên | 17 tháng 08 năm 2020 | |

4.2. Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|----------------------|------------|----------------------------|-----------------|
| Ông Phan Tuấn Anh | Trưởng ban | 08 tháng 05 năm 2020 | |
| Ông Nguyễn Công Định | Thành viên | 08 tháng 05 năm 2020 | |
| Ông Đoàn Quang Vũ | Thành viên | 28 tháng 04 năm 2022 | |

4.3. Ban điều hành

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|-----------------------|-------------------|----------------------|-----------------|
| Ông Huỳnh Văn Toàn | Tổng Giám đốc | 05 tháng 11 năm 2020 | |
| Ông Nguyễn Thành Công | Phó Tổng Giám đốc | 12 tháng 06 năm 2020 | |
| Ông Nguyễn Văn Chương | Phó Tổng Giám đốc | 27 tháng 03 năm 2020 | |
| Bà Hồ Hoàng Thi | Phó Tổng Giám đốc | 12 tháng 06 năm 2020 | |
| Ông Lê Chí Phai | Phó Tổng Giám đốc | 31 tháng 12 năm 2021 | |
| Ông Ngô Khánh Toàn | Kế toán trưởng | 12 tháng 06 năm 2020 | |

5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Huỳnh Văn Toàn, chức vụ Tổng Giám đốc Công ty.

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 41.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Ngày 06/01/2025, Công ty đã điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 11 do thay đổi địa chỉ khi tỉnh Thừa Thiên Huế chuyển thành Thành phố Huế trực thuộc Trung ương.

Ngoài ra, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

515171
CÔNG TY
CẢNG CHÂN MÂY
THÀNH PHỐ HUẾ

515171
CÔNG TY
CẢNG CHÂN MÂY
THÀNH PHỐ HUẾ

515171
CÔNG TY
CẢNG CHÂN MÂY
THÀNH PHỐ HUẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, thành phố Huế

Báo cáo của Ban Điều hành (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

8. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo các số kế toán có liên quan, thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Điều hành phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Điều hành,

HUYNH VĂN TOÀN

Tổng Giám đốc

Phú Lộc, ngày 15 tháng 02 năm 2025



Số: 01/2025/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CHÂN MÂY**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Căng Chân Mây, được lập ngày 15/02/2025, từ trang 07 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Càng Chân Mây tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TP. Đà Nẵng, ngày 15 tháng 02 năm 2025



Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - VIETVALUES

Trần Xuân Thạnh - Giám đốc Chi nhánh
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1650-2023-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Lê Thị Thanh Kim - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2896-2024-071-2

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Thành phố Huế, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

DVT: VND

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|--|-------------|------------------------|------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 148.190.945.247 | 102.138.045.907 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | V.1 | 67.275.325.755 | 41.415.070.887 |
| 111 | 1. Tiền | | 21.275.325.755 | 21.415.070.887 |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | | 46.000.000.000 | 20.000.000.000 |
| 120 | II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | | 33.000.000.000 | 18.000.000.000 |
| 121 | 1. Chứng khoán kinh doanh | | - | - |
| 123 | 2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | V.2 | 33.000.000.000 | 18.000.000.000 |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 38.631.311.603 | 31.933.110.729 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | V.3 | 20.744.493.069 | 17.370.328.541 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | V.4a | 2.523.345.142 | 2.476.167.393 |
| 135 | 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | V.5 | 1.500.000.000 | 1.500.000.000 |
| 136 | 4. Phải thu ngắn hạn khác | V.6 | 17.361.560.696 | 14.047.943.042 |
| 137 | 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | V.7 | (3.498.087.304) | (3.461.328.247) |
| 140 | IV. Hàng tồn kho | | 8.008.457.781 | 4.589.754.909 |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | V.8 | 8.008.457.781 | 4.589.754.909 |
| 149 | 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | | - | - |
| 150 | V. Tài sản ngắn hạn khác | | 1.275.850.108 | 6.200.109.382 |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | V.9a | 270.140.752 | 246.727.185 |
| 152 | 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | | 579.991.165 | 5.234.085.762 |
| 153 | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | V.15 | 425.718.191 | 719.296.435 |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 545.201.423.127 | 569.051.364.101 |
| 210 | I. Các khoản phải thu dài hạn | | 3.537.863.606 | 6.032.090.878 |
| 211 | 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | | - | - |
| 212 | 2. Trả trước cho người bán dài hạn | V.4b | 3.537.863.606 | 6.032.090.878 |
| 220 | II. Tài sản cố định | | 515.692.299.653 | 535.171.391.569 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | V.10 | 514.500.362.425 | 533.658.445.065 |
| 222 | - Nguyên giá | | 1.055.218.452.692 | 1.041.290.744.406 |
| 223 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (540.718.090.267) | (507.632.299.341) |
| 227 | 2. Tài sản cố định vô hình | V.11 | 1.191.937.228 | 1.512.946.504 |
| 228 | - Nguyên giá | | 1.974.929.785 | 1.939.429.785 |
| 229 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (782.992.557) | (426.483.281) |
| 230 | III. Bất động sản đầu tư | | - | - |
| 240 | IV. Tài sản dở dang dài hạn | | 12.724.451.367 | 13.624.585.811 |
| 241 | 1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn | | - | - |
| 242 | 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | V.12 | 12.724.451.367 | 13.624.585.811 |
| 250 | V. Đầu tư tài chính dài hạn | | - | - |
| 260 | VI. Tài sản dài hạn khác | | 13.246.808.501 | 14.223.295.843 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | V.9b | 13.246.808.501 | 14.223.295.843 |
| 268 | 2. Tài sản dài hạn khác | | - | - |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 693.392.368.374 | 671.189.410.008 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Thành phố Huế, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|--|-------------|------------------------|------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 4 |
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 333.276.356.765 | 336.633.637.988 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 110.057.598.962 | 89.688.062.364 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | V.13 | 7.631.895.664 | 2.538.210.230 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | V.14a | 387.735.544 | 180.614.416 |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | V.15 | 2.930.560.361 | - |
| 314 | 4. Phải trả người lao động | V.16 | 17.403.415.027 | 8.782.142.188 |
| 315 | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | V.17 | 3.064.641.309 | 3.136.467.313 |
| 318 | 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | V.18 | 467.301.935 | 517.255.138 |
| 319 | 7. Phải trả ngắn hạn khác | V.19 | 44.574.686.888 | 52.003.630.437 |
| 320 | 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | V.20a | 19.540.000.000 | 19.540.000.000 |
| 321 | 9. Dự phòng phải trả ngắn hạn | V.21 | 12.005.772.593 | - |
| 322 | 10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | V.22 | 2.051.589.641 | 2.989.742.642 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 223.218.757.803 | 246.945.575.624 |
| 332 | 1. Người mua trả tiền trước dài hạn | V.14b | 62.017.488.550 | 66.204.306.371 |
| 338 | 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | V.20b | 161.201.269.253 | 180.741.269.253 |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 360.116.011.609 | 334.555.772.020 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | V.23 | 360.116.011.609 | 334.555.772.020 |
| 411 | 1. Vốn góp của chủ sở hữu | | 324.054.150.000 | 324.054.150.000 |
| 411a | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 324.054.150.000 | 324.054.150.000 |
| 411b | - Cổ phiếu ưu đãi | | - | - |
| 418 | 2. Quỹ đầu tư phát triển | | 27.259.580.782 | 27.259.580.782 |
| 421 | 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 8.802.280.827 | (16.757.958.762) |
| 421a | - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | | (16.757.958.762) | (9.361.802.894) |
| 421b | - LNST chưa phân phối kỳ này | | 25.560.239.589 | (7.396.155.868) |
| 430 | II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | | - | - |
| 431 | 1. Nguồn kinh phí | | - | - |
| 432 | 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | | - | - |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 693.392.368.374 | 671.189.410.008 |

Phú Lộc, ngày 15 tháng 02 năm 2025

BÙI THỊ NGỌC LINH
Người lập biểu

NGÔ KHÁNH TOÀN
Kế toán trưởng



HUỶNH VĂN TOÀN
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Thành phố Huế, Việt Nam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

DVT: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|--|-------------|-----------------|-----------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 01 | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | VI.1 | 383.208.049.101 | 227.424.257.898 |
| 02 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | | | |
| 10 | 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 383.208.049.101 | 227.424.257.898 |
| 11 | 4. Giá vốn hàng bán | VI.2 | 293.150.943.216 | 181.985.494.370 |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 90.057.105.885 | 45.438.763.528 |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | VI.3 | 1.533.220.852 | 2.135.776.847 |
| 22 | 7. Chi phí tài chính | VI.4 | 14.098.862.916 | 18.992.882.156 |
| 23 | - Trong đó: Chi phí lãi vay | | 14.084.564.075 | 18.992.882.156 |
| 25 | 8. Chi phí bán hàng | VI.5 | 2.971.277.248 | 2.524.920.573 |
| 26 | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | VI.6 | 45.930.443.292 | 33.432.426.995 |
| 30 | 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 28.589.743.282 | (7.375.689.349) |
| 31 | 11. Thu nhập khác | VI.7 | 1.180.590 | 22.690.107 |
| 32 | 12. Chi phí khác | VI.8 | 100.123.922 | 34.997.017 |
| 40 | 13. Lợi nhuận khác | | (98.943.332) | (12.306.910) |
| 50 | 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 28.490.799.950 | (7.387.996.259) |
| 51 | 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | V.15 | 2.930.560.361 | 8.159.609 |
| 52 | 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | - | - |
| 60 | 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | 25.560.239.589 | (7.396.155.868) |
| 70 | 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | VI.9a | 789 | (228) |
| 71 | 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | VI.9b | 789 | (228) |

1281
CHI
ÔNG
TOÁ
HU
ĐẢ
HAL



Phú Lộc, ngày 15 tháng 02 năm 2025.

BÙI THỊ NGỌC LINH
Người lập biểu

NGÔ KHÁNH TOÀN
Kế toán trưởng

HUYỀN VĂN TOÀN
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Thành phố Huế, Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

ĐVT: VND

| Mã số | Chỉ tiêu | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|--|--------------|-------------------------|-------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 01 | 1. Lợi nhuận trước thuế | | 28.490.799.950 | (7.387.996.259) |
| | 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| 02 | - Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư | V.10, 11 | 33.442.300.202 | 34.442.728.314 |
| 03 | - Các khoản dự phòng | V.7 | 12.042.531.650 | 196.545.688 |
| 04 | - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | VI.3 | (19.926.800) | (39.189.694) |
| 05 | - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | VI.3 | (1.422.732.624) | (2.053.459.053) |
| 06 | - Chi phí lãi vay | VI.4 | 14.084.564.075 | 18.992.882.156 |
| 07 | - Các khoản điều chỉnh khác | | - | - |
| 08 | 3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động | | 86.617.536.453 | 44.151.511.152 |
| 09 | - Tăng, giảm các khoản phải thu | | 1.557.000.758 | 7.138.690.331 |
| 10 | - Tăng, giảm hàng tồn kho | V.8 | (3.418.702.872) | (743.244.387) |
| 11 | - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp) | | 8.670.217.155 | 11.783.794.578 |
| 12 | - Tăng, giảm chi phí trả trước | V.9 | 953.073.775 | (5.210.887.358) |
| 13 | - Tăng giảm chứng khoán kinh doanh | | - | - |
| 14 | - Tiền lãi vay đã trả | V.16, VI.4 | (14.578.170.894) | (19.379.698.055) |
| 15 | - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | V.15 | - | (8.159.609) |
| 16 | - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | | - | 20.000.000 |
| 17 | - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | V.20 | (938.153.001) | (56.240.000) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | 78.862.801.374 | 37.695.766.652 |
| | II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 21 | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác | V.10, 11, 12 | (12.326.044.403) | (28.392.022.628) |
| 23 | 2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | V.2 | (33.000.000.000) | (18.000.000.000) |
| 24 | 3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | | 18.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| 27 | 4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | V.6, VI.3 | 1.309.922.122 | 2.058.338.505 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | (26.016.122.281) | (34.333.684.123) |
| | III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 34 | 1. Tiền trả nợ gốc vay | V.19 | (19.540.000.000) | (15.660.000.000) |
| 36 | 2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | | (7.466.351.025) | (1.025.421.600) |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | | (27.006.351.025) | (16.685.421.600) |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40) | | 25.840.328.068 | (13.323.339.071) |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | | 41.415.070.887 | 54.699.220.264 |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | VI.3 | 19.926.800 | 39.189.694 |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | V.1 | 67.275.325.755 | 41.415.070.887 |

(Signature)

BÙI THỊ NGỌC LINH
Người lập biểu

(Signature)

NGÔ KHÁNH TOÀN
Kế toán trưởng



Phú Lộc, ngày 02 tháng 02 năm 2025

ĐỖ VĂN TOÀN
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo Quyết định số 3932/QĐ BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ Giao thông Vận tải từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Chân Mây.

Cổ phiếu của Công ty đã đăng ký và được cấp mã chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam tại Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 117/2015/GCNCP-VSD ngày 01/12/2015 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam với mã chứng khoán là CMP.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau như: dịch vụ cung ứng tàu biển, thương mại - dịch vụ, ...

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ cung ứng tàu biển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2024, nền kinh tế vĩ mô có dấu hiệu hồi phục, ngành Cảng và vận tải biển ở Việt Nam tăng trưởng tích cực khi sản lượng hàng hóa xuất khẩu vào nhập khẩu thông qua cảng biển đều tăng mạnh. Riêng tại Cảng Chân Mây, sản lượng các mặt hàng rời thông qua, trong đó đặc biệt các mặt hàng có tỷ lệ lãi gộp cao như dăm gỗ, titan... đều tăng mạnh so với năm trước. Bên cạnh đó, cùng với sự hồi phục mạnh mẽ và bùng nổ lượng khách du lịch quốc tế của ngành du lịch đến với thành phố Huế, lượt tàu du lịch quốc tế đến Cảng Chân Mây cũng tăng mạnh. Không những vậy, Công ty còn phát triển thêm một số ngành dịch vụ mới như vận chuyển, vun xúc, pha trộn than... cho các khách hàng đang thuê kho, bãi tại Cảng. Những yếu tố tích cực trên dẫn đến doanh thu trong năm 2024 đạt 383,2 tỷ đồng (tương ứng mức tăng 68,5% so với năm trước). Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí nhân công tăng mạnh tương ứng với doanh thu dẫn đến Giá vốn trong năm tăng 61% so với năm trước, đạt 293 tỷ đồng. Mức tăng trưởng doanh thu lớn hơn mức tăng trưởng của giá vốn dẫn đến Công ty đạt 90 tỷ đồng lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ, tương ứng mức tăng trưởng 98,2%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công trình bến số 1 và 02 tàu lai đã đưa vào sử dụng từ lâu nên đã cũ, dẫn đến phát sinh chi phí sửa chữa thường xuyên lớn và ảnh hưởng đến chất lượng và an toàn khi hoạt động. Công ty đã lên kế hoạch sửa chữa các hạng mục này và đã trích lập dự phòng chi phí sửa chữa theo kế hoạch. Số tiền dự phòng chưa sử dụng tại thời điểm ngày 31/12/2024 là 12 tỷ đồng.

Ngoài ra, không có sự kiện về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi quy mô... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

6. Cấu trúc Công ty

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|---|--|
| Xí nghiệp Xếp dỡ Cảng Chân Mây | Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Thành phố Huế |
| Xí nghiệp Cơ giới Cảng Chân Mây | Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Thành phố Huế |
| Xí nghiệp Dịch vụ Cung ứng Tàu biển Cảng Chân Mây | Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Thành phố Huế |
| Văn Phòng đại diện tại thành phố Huế | Tầng 3, nhà số 130 Nguyễn Huệ, Phường Phú Nhuận, Quận Thuận Hóa, Thành phố Huế |

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 337 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 325 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (có thời hạn gốc không quá ba tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| Loại tài sản cố định | Số năm |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 9 - 40 |
| Máy móc và thiết bị | 5 - 20 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 6 - 18 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 4 - 12 |

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Đối với các khoản vay và nợ thuê tài chính là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

13. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận khi Công ty nhận trước tiền cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ sẽ cung cấp cho khách hàng.

Doanh thu chưa thực hiện được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hoá được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ tại cảng

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

- Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập khác

Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa và chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

18. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí liên quan đến hoạt động đi vay vốn và khoản lỗ tỉ giá hối đoái.

19. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

21. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thừa Thiên Huế (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thừa Thiên Huế (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

1.a. Tiền

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------|------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt | 1.342.764.583 | 227.709.736 |
| Tiền gửi ngân hàng | 19.932.561.172 | 21.187.361.151 |
| Cộng | <u>21.275.325.755</u> | <u>21.415.070.887</u> |

1.b. Các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Tiền gửi có kỳ hạn < 3 tháng | | |
| - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thừa Thiên Huế | 23.000.000.000 | 16.000.000.000 |
| - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thừa Thiên Huế | 17.000.000.000 | 4.000.000.000 |
| - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thừa Thiên Huế | 6.000.000.000 | - |
| Cộng | <u>46.000.000.000</u> | <u>20.000.000.000</u> |

Không có tiền và các khoản tương đương tiền được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh tại thời điểm ngày 31/12/2024.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty là khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Thông tin về các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá trị ghi sổ | Dự phòng | Giá trị ghi sổ | Dự phòng |
| Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng | | | | |
| - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thừa Thiên Huế | 31.000.000.000 | - | 16.000.000.000 | - |
| - Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Thừa Thiên Huế | 2.000.000.000 | - | 2.000.000.000 | - |
| Cộng | 33.000.000.000 | - | 18.000.000.000 | - |

Không có các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh tại ngày 31/12/2024.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Phải thu các bên liên quan | - | - |
| Phải thu các khách hàng khác | 20.744.493.069 | 17.370.328.541 |
| - Công ty CP than sông Hồng | 2.711.999.500 | 2.510.282.914 |
| - Công ty TNHH Cung ứng Vật Tư Đồng Lâm | 2.346.643.330 | 992.378.318 |
| - Công ty CP Chế biến Lâm sản Xuất khẩu Pisico Huế | 1.773.890.585 | - |
| - Công ty TNHH Thương mại Du lịch và Vận tải Quốc tế Phước An | 93.291.804 | 2.614.588.960 |
| - Các khách hàng khác | 13.818.667.850 | 11.253.078.349 |
| Cộng | 20.744.493.069 | 17.370.328.541 |

Trong đó, nợ quá hạn là 3.498.087.304 đồng, Công ty đã trích lập dự phòng theo quy định (Xem thuyết minh V.7).

4. Trả trước cho người bán**4.a. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|----------------------|----------------------|
| Trả trước cho các bên liên quan | - | - |
| Trả trước cho người bán khác | 2.523.345.142 | 2.476.167.393 |
| - Công ty cổ phần ALPHA PI | 832.350.128 | 220.391.305 |
| - Công ty CP tư vấn xây dựng công trình thủy | 664.126.000 | - |
| - Công ty xăng dầu Khu Vực V TNHH MTV | 7.764.100 | 562.499.494 |
| - Công ty Cổ Phần UNICO VINA | - | 451.490.000 |
| - Công ty TNHH TM & XD Lộc Thành | - | 319.308.193 |
| - Các nhà cung cấp khác | 1.019.104.914 | 922.478.401 |
| Cộng | 2.523.345.142 | 2.476.167.393 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4.b. Trả trước cho người bán dài hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Trả trước cho các bên liên quan | - | - |
| Trả trước cho người bán khác | 3.537.863.606 | 6.032.090.878 |
| - Công ty Cổ phần Kết cấu thép và Thiết bị nâng Việt Nam (*) | 3.537.863.606 | 6.032.090.878 |
| Cộng | <u>3.537.863.606</u> | <u>6.032.090.878</u> |

(*) Là khoản ứng trước 10% giá trị hợp đồng cho Công ty Cổ phần Kết cấu thép và Thiết bị nâng Việt Nam về việc thuê 2 cần trục đa năng xếp dỡ hàng theo Hợp đồng kinh tế số 01/2022/HĐKT-CCM-NVL ngày 26/01/2022, thời hạn thuê 84 tháng. Khoản ứng trước này sẽ được hoàn trả bằng cách khấu trừ dần vào các khoản thanh toán đến hạn cho nhà cung cấp trong các năm tiếp theo.

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|--|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Phải thu các bên liên quan | - | - | - | - |
| Phải thu các đối tượng khác | 1.500.000.000 | 1.500.000.000 | 1.500.000.000 | 1.500.000.000 |
| - Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin | 1.500.000.000 | 1.500.000.000 | 1.500.000.000 | 1.500.000.000 |
| Cộng | <u>1.500.000.000</u> | <u>1.500.000.000</u> | <u>1.500.000.000</u> | <u>1.500.000.000</u> |

Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin vay theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 01/2008 ngày 22/11/2008 số tiền 500.000.000 đồng với lãi suất 12%/năm, thời hạn vay là 3 tháng và hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 02/2009 ngày 13/05/2009 số tiền 1.000.000.000 đồng với lãi suất 9,5%/năm, thời hạn vay là 3 tháng. Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi 100% giá trị khoản phải thu về cho vay này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Phải thu ngắn hạn khác**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|--------------------|-----------------------|--------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Phải thu các bên liên quan | - | - | - | - |
| Phải thu các đối tượng khác | 4.010.573.137 | 513.918.664 | 1.860.871.109 | 513.918.664 |
| - BQL Khu kinh tế Chân Mây-Lăng Cô | 951.347.248 | - | 951.347.248 | - |
| - Công ty TNHH liên doanh nguyên liệu giấy Huế | 1.598.576.434 | - | - | - |
| - Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin | 513.918.664 | 513.918.664 | 513.918.664 | 513.918.664 |
| - Phải thu CBCNV về thuế TNCN | 686.492.769 | - | 164.577.428 | - |
| - Lãi dự thu tiền gửi Ngân hàng | 247.289.954 | - | 134.479.452 | - |
| - Các đối tượng phải thu khác | 12.948.068 | - | 96.548.317 | - |
| Tạm ứng CBCNV | 2.862.827.156 | - | 1.699.418.986 | - |
| Ký quỹ ký cược ngắn hạn | 10.488.160.403 | - | 10.487.652.947 | - |
| - BQL khu kinh tế công nghiệp Tỉnh Thừa Thiên Huế (*) | 10.224.850.000 | - | 10.224.850.000 | - |
| - Ký quỹ kinh doanh lữ hành quốc tế | 253.310.403 | - | 252.802.947 | - |
| - Ký quỹ thuê văn phòng | 10.000.000 | - | 10.000.000 | - |
| Cộng | 17.361.560.696 | 513.918.664 | 14.047.943.042 | 513.918.664 |

(*) Khoản tiền ký quỹ đối với việc đầu tư xây dựng bến số 02 – Cảng Chân Mây theo thỏa thuận ký quỹ số 50/QĐ KKTCN với Ban quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế. Hiện tại, Công ty đã nghiệm thu hoàn thành bến số 2 và đang hoàn tất các thủ tục liên quan với Ban quản lý khu kinh tế công nghiệp Tỉnh Thừa Thiên Huế để thu hồi khoản ký quỹ này.

7. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi**7.a. Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi**

| | Năm nay | Năm trước |
|------------------------|----------------------|----------------------|
| Số dư đầu năm | 3.461.328.247 | 3.264.782.559 |
| Số trích lập trong năm | 36.759.057 | 196.545.688 |
| Số hoàn nhập trong năm | - | - |
| Số dư cuối năm | 3.498.087.304 | 3.461.328.247 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY*Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Thành phố Huế, Việt Nam***BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7.b. Nợ xấu**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|----------------------|------------------------|----------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Các bên liên quan | | | | |
| Các tổ chức và cá nhân khác quá hạn trên 3 năm | 3.498.087.304 | - | 3.508.080.703 | 47.888.975 |
| - Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin | 2.171.369.272 | - | 2.171.369.272 | - |
| - Công ty TNHH Sơn Tùng | 627.329.522 | - | 627.329.522 | - |
| - Chi nhánh DNTN TM & DV Hoàng Việt | 154.849.350 | - | 154.849.350 | - |
| - Công Ty TNHH MTV TMDV Nguyễn Minh Phương | 148.500.000 | - | 159.629.918 | 47.888.975 |
| - Công ty cổ phần nhựa đường Minh Đạt | 144.750.000 | - | 144.750.000 | - |
| - Công ty TNHH Khai thác Than Đông Bắc | 83.858.340 | - | 83.858.340 | - |
| - Công ty TNHH chống ăn mòn Hải Tấn Lộc | 60.724.032 | - | 60.724.032 | - |
| - Công ty TNHH MTV Xây dựng Khánh Bảo | 60.000.000 | - | 60.000.000 | - |
| - Công ty TNHH TM Văn Minh | 24.080.713 | - | 24.080.713 | - |
| - Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Hồng Kim | 17.753.300 | - | 17.753.300 | - |
| - Công ty CP Vận tải biển và Thương mại Hàng Hải | 3.736.256 | - | 3.736.256 | - |
| - Công ty TNHH Thương mại Vận tải biển Hợp Thành | 1.136.519 | - | 1.136.519 | - |
| Cộng | 3.498.087.304 | - | 3.509.217.222 | 47.888.975 |

8. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-----------------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 4.407.653.729 | - | 3.404.087.951 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 2.757.837.756 | - | 639.326.651 | - |
| Hàng hóa | 842.966.296 | - | 546.340.307 | - |
| Cộng | 8.008.457.781 | - | 4.589.754.909 | - |

- Nguyên liệu, vật liệu là những vật tư, nhiên liệu được sử dụng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và sửa chữa tài sản cố định.
- Công cụ dụng cụ là những dụng cụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, được mua về nhưng chưa sử dụng.
- Hàng hóa của Công ty là xăng, dầu dự trữ để bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm ngày 31/12/2024.
- Không có hàng tồn kho dùng thế chấp, cầm cố để bảo đảm các khoản nợ phải trả tại ngày 31/12/2024.

9. Chi phí trả trước

9.a. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí bảo hiểm | 169.383.254 | 154.591.773 |
| Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ | 55.757.498 | 47.135.412 |
| Chi phí thuê văn phòng | 45.000.000 | 45.000.000 |
| Cộng | 270.140.752 | 246.727.185 |

Chi tiết biến động chi phí trả trước ngắn hạn trong năm như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------|--------------------|--------------------|
| Số dư đầu năm | 246.727.185 | 214.702.359 |
| Tăng trong năm | 592.781.651 | 629.011.690 |
| Phân bổ trong năm | (569.368.084) | (596.986.864) |
| Số dư cuối năm | 270.140.752 | 246.727.185 |

9.b. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí sửa chữa tài sản | 9.534.239.839 | 12.084.605.931 |
| Chi phí công cụ dụng cụ | 3.712.568.662 | 2.138.689.912 |
| Cộng | 13.246.808.501 | 14.223.295.843 |

Chi tiết biến động chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Số dư đầu năm | 14.223.295.843 | 9.044.433.311 |
| Tăng trong năm | 8.104.847.453 | 12.523.254.317 |
| Phân bổ trong năm | (9.081.334.795) | (7.344.391.785) |
| Số dư cuối năm | 13.246.808.501 | 14.223.295.843 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | P.tiện vận tải truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tổng cộng |
|------------------------|------------------------|------------------------|---------------------------|---------------------------|--------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 894.634.112.746 | 109.900.734.724 | 33.590.336.909 | 3.165.560.027 | 1.041.290.744.406 |
| Tăng trong năm | 12.865.741.619 | 1.021.466.667 | - | 40.500.000 | 13.927.708.286 |
| - Mua sắm trong năm | - | 1.021.466.667 | - | 40.500.000 | 1.061.966.667 |
| - XDCB hoàn thành | 12.865.741.619 | - | - | - | 12.865.741.619 |
| Giảm trong năm | - | - | - | - | - |
| Số cuối năm | 907.499.854.365 | 110.922.201.391 | 33.590.336.909 | 3.206.060.027 | 1.055.218.452.692 |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 381.150.332.374 | 90.923.343.606 | 32.751.624.442 | 2.806.598.519 | 507.632.299.341 |
| Tăng trong năm | 29.059.410.903 | 3.556.072.161 | 335.163.716 | 135.144.146 | 33.085.790.926 |
| - Khấu hao trong năm | 29.059.410.903 | 3.556.072.161 | 335.163.716 | 135.144.146 | 33.085.790.926 |
| Giảm trong năm | - | - | - | - | - |
| Số cuối năm | 410.209.743.277 | 94.479.415.767 | 33.086.788.158 | 2.942.143.065 | 540.718.090.267 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 513.483.780.372 | 18.977.391.118 | 838.712.467 | 358.561.108 | 533.658.445.065 |
| Số cuối năm | 497.290.111.088 | 16.442.785.624 | 503.548.751 | 263.916.962 | 514.500.362.425 |

• Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao vẫn tiếp tục sử dụng tại ngày 31/12/2024 là: 104.447.817.400 đồng.

• Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay tại ngày 31/12/2024 là: 311.689.773.684 đồng. (Xem thuyết minh số V.20)

• Giá trị còn lại TSCĐ cuối năm chờ thanh lý là 0 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình**

| | Phần mềm máy tính | Tổng cộng |
|------------------------|------------------------------|----------------------|
| Nguyên giá | | |
| Số đầu năm | 1.939.429.785 | 1.939.429.785 |
| Tăng trong năm | 35.500.000 | 35.500.000 |
| - Mua sắm trong năm | 35.500.000 | 35.500.000 |
| Giảm trong năm | - | - |
| Số cuối năm | 1.974.929.785 | 1.974.929.785 |
| Giá trị hao mòn | | |
| Số đầu năm | 426.483.281 | 426.483.281 |
| Tăng trong năm | 356.509.276 | 356.509.276 |
| - Khấu hao trong năm | 356.509.276 | 356.509.276 |
| Giảm trong năm | - | - |
| Số cuối năm | 782.992.557 | 782.992.557 |
| Giá trị còn lại | | |
| Số đầu năm | 1.512.946.504 | 1.512.946.504 |
| Số cuối năm | 1.191.937.228 | 1.191.937.228 |

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã hết khấu hao vẫn tiếp tục sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 184.609.600 đồng.
- Không có TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay tại thời điểm 31/12/2024.
- Giá trị còn lại TSCĐ vô hình cuối năm chờ thanh lý là 0 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong năm | Kết chuyển sang TSCĐ | Kết chuyển sang chi phí trả trước | Sử dụng dự phòng phải trả | Số cuối năm |
|-----------------------|-----------------------------|-----------------------|-----------------------------------|---------------------------|-----------------------|
| - | 93.271.500 | - | - | - | 93.271.500 |
| - | 93.271.500 | - | - | - | 93.271.500 |
| 13.624.585.811 | 7.477.440.252 | 12.810.186.063 | 1.649.597.015 | - | 6.642.242.985 |
| 2.700.288.299 | 35.648.149 | - | - | - | 2.735.936.448 |
| 9.259.259 | 2.543.076.319 | - | - | - | 2.552.335.578 |
| 10.032.264.262 | 2.202.806.060 | 12.235.070.322 | - | - | - |
| - | 575.115.741 | 575.115.741 | - | - | - |
| 882.773.991 | 2.120.793.983 | - | 1.549.597.015 | - | 1.353.970.959 |
| - | 14.507.248.244 | - | 1.624.083.955 | 6.894.227.407 | 5.988.936.882 |
| - | 6.894.227.407 | - | - | 6.894.227.407 | - |
| - | 5.852.397.727 | - | - | - | 5.852.397.727 |
| - | 1.760.623.110 | - | 1.524.083.955 | - | 136.539.155 |
| 13.624.585.811 | 22.077.959.996 | 12.810.186.063 | 3.273.680.970 | 6.894.227.407 | 12.724.451.367 |

Không có chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Phải trả các bên liên quan | - | - |
| Phải trả các người bán khác | 7.631.895.664 | 2.538.210.230 |
| Công ty TNHH Đầu tư Phát triển và Thương mại Gia Vượng | 1.295.283.051 | |
| - Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Tiến Lộc Phú | 1.234.251.001 | 1.233.330.430 |
| - Công ty TNHH Navaco | 834.355.753 | - |
| - Các nhà cung cấp khác | 4.268.005.859 | 1.304.879.800 |
| Cộng | <u>7.631.895.664</u> | <u>2.538.210.230</u> |

Tại thời điểm 31/12/2024, Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước**14.a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Trả trước của các bên liên quan | - | - |
| Trả trước của các khách hàng khác | 387.735.544 | 180.614.416 |
| - Công Ty TNHH TMDV Xây Dựng Linh Hà | 225.197.169 | - |
| - Công ty TNHH CEA Project Logistics | 44.033.550 | - |
| - Công ty TNHH MTV Nguyễn Tuấn Hoàng | - | 77.354.555 |
| - Các khách hàng khác | 118.504.825 | 103.259.861 |
| Cộng | <u>387.735.544</u> | <u>180.614.416</u> |

14.b. Người mua trả tiền trước dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Trả trước của các bên liên quan | - | - |
| Trả trước của các khách hàng khác | 62.017.488.550 | 66.204.306.371 |
| - Royal Caribbean Cruises Ltd (*) | 62.017.488.550 | 66.204.306.371 |
| - Các đối tượng khác | - | - |
| Cộng | <u>62.017.488.550</u> | <u>66.204.306.371</u> |

(*) Khoản ứng trước của Royal Caribbean Cruises Ltd theo thỏa thuận ngày 26/05/2015 giữa Công ty TNHH Một thành viên Cảng Chân Mây (nay là Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây) và Hãng Du lịch Tàu biển Royal Caribbean (chi tiết xem thuyết minh số VII.2).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

| | Số đầu năm | | Số phát sinh trong năm | | Số cuối năm | |
|--|------------|--------------------|------------------------|----------------------|----------------------|--------------------|
| | Phải nộp | Phải thu | Số phải nộp | Số đã nộp | Phải nộp | Phải thu |
| Thuế giá trị gia tăng | - | - | 3.127.440.299 | 3.127.440.299 | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | - | 2.930.560.361 | - | 2.930.560.361 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | 717.290.872 | 613.247.779 | 315.669.835 | - | 423.712.928 |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất (*) | - | - | 386.723.271 | 386.723.271 | - | - |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | 2.005.563 | 29.045.426 | 29.045.126 | - | 2.005.263 |
| Cộng | - | 719.296.435 | 7.087.017.136 | 3.862.878.531 | 2.930.560.361 | 425.718.191 |

(*) Quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm để thực hiện dự án đầu tư bến số 02 đang được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thừa Thiên Huế theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/HDCVDADT/NHCT460-CANGCHANMAY ngày 19/11/2018 (xem thuyết minh số V.20).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hoạt động cung ứng dịch vụ tàu biển cung cấp trực tiếp cho tổ chức nước ngoài hoặc thông qua đại lý tàu biển là 0%; cung cấp cho các tổ chức nội địa là 10%. Công ty được áp dụng thuế suất 8% theo quy định tại Nghị định 44/2023/NĐ-CP ngày 30/06/2023 và Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 của Chính phủ.

Các hoạt động khác áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------------|------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 28.490.799.950 | (7.387.996.259) |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | (7.932.725.975) | 5.393.302.010 |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 410.799.230 | 5.432.491.704 |
| ‡ Chi phí lãi vay bị loại trừ theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP | - | 4.034.563.259 |
| ‡ Các khoản chi phí không hợp lý | 348.240.620 | 1.310.825.541 |
| ‡ Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của tiền năm trước | 39.189.694 | 25.075.886 |
| + Các khoản phạt vi phạm hành chính | 23.045.426 | 61.378.401 |
| + Xử lý công nợ nhỏ lẻ | 323.490 | 648.611 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | (8.343.525.205) | (39.189.694) |
| ‡ Chi phí lãi vay được chuyển theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP | (8.323.598.405) | - |
| + Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của tiền năm nay | (19.926.800) | (39.189.694) |
| Thu nhập chịu thuế | 20.558.073.975 | (1.994.694.249) |
| Thu nhập được miễn thuế | - | - |
| Lỗi các năm trước được chuyển | (5.905.272.168) | - |
| Thu nhập tính thuế | 14.652.801.807 | (1.994.694.249) |
| Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông (20%) | 2.930.560.361 | - |
| Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay | - | 8.159.609 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 2.930.560.361 | 8.159.609 |

Thuế nhà đất

Tiền thuế đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Phải trả người lao động

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------|-----------------------|----------------------|
| Tiền lương phải trả | 17.403.415.027 | 8.782.142.188 |
| Cộng | 17.403.415.027 | 8.782.142.188 |

Quỹ lương của người lao động và của người quản lý Công ty được áp dụng theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, phần vốn góp chi phối của Nhà nước và theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐDTBXH ngày 01/09/2016 hướng dẫn thực hiện Nghị định 53/2016/NĐ-CP.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY*Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Thành phố Huế, Việt Nam***BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Phải trả các bên liên quan | - | - |
| Phải trả các đối tượng khác | 3.064.641.309 | 3.136.467.313 |
| Chi phí lãi vay phải trả | 2.483.391.441 | 2.976.998.260 |
| Chi phí chưa có hóa đơn, chứng từ | 581.249.868 | 159.469.053 |
| Cộng | <u>3.064.641.309</u> | <u>3.136.467.313</u> |

18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|---------------------------|---------------------------|
| Doanh thu chưa thực hiện từ bên liên quan | - | - |
| Doanh thu chưa thực hiện từ đối tượng khác | 467.301.935 | 517.255.138 |
| - Công ty Cổ phần Alpha Pi | 467.301.935 | - |
| - Công ty TNHH Logistics Sunrise | - | 164.909.690 |
| - Công ty AIDC Lào | - | 352.345.448 |
| Cộng | <u>467.301.935</u> | <u>517.255.138</u> |

19. Phải trả ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 44.243.128.464 | 51.709.479.489 |
| - Lãi vay phải trả Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy | 16.684.922.964 | 16.684.922.964 |
| - Cổ tức phải trả Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy | 27.558.205.500 | 35.024.556.525 |
| Phải trả các đối tượng và cá nhân khác | 331.558.424 | 294.150.948 |
| - Kinh công đoàn, BHXH | 161.069.008 | 127.183.700 |
| - Phải trả các đối tượng khác | 170.489.416 | 166.967.248 |
| Cộng | <u>44.574.686.888</u> | <u>52.003.630.437</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**20. Vay và nợ thuê tài chính****20.a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 19.540.000.000 | 19.540.000.000 | 19.540.000.000 | 19.540.000.000 |
| NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Thừa Thiên Huế | 19.540.000.000 | 19.540.000.000 | 19.540.000.000 | 19.540.000.000 |
| Cộng | 19.540.000.000 | 19.540.000.000 | 19.540.000.000 | 19.540.000.000 |

20.b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Vay dài hạn | 161.201.269.253 | 161.201.269.253 | 180.741.269.253 | 180.741.269.253 |
| NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Thừa Thiên Huế | 161.201.269.253 | 161.201.269.253 | 180.741.269.253 | 180.741.269.253 |
| Cộng | 161.201.269.253 | 161.201.269.253 | 180.741.269.253 | 180.741.269.253 |

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thừa Thiên Huế theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/HĐCVDAĐT/NHCT460-CANGCHANMAY ngày 19/10/2018. Hạn mức vay là 268.980.000.000 đồng nhưng không vượt quá 70% tổng vốn đầu tư thực tế của Dự án (bao gồm thuế GTGT và chi phí lãi vay trong thời gian thi công), thời hạn vay là 180 tháng từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên (từ ngày 16/01/2019 đến ngày 16/01/2034). Thời gian ân hạn là 18 tháng, hết thời gian ân hạn, nợ gốc được trả 3 tháng một lần, trả làm 54 kỳ. Lãi suất được xác định như sau:

- Trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên: 8%/năm;
- Từ tháng thứ 13 đến hết tháng thứ 24: 8,5%/năm;
- Từ tháng thứ 25 đến tháng thứ 96: lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Công thương Việt nam cộng (+) biên độ 2,5%/năm;
- Từ tháng thứ 97 đến hết tháng thứ 180: lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng Công Thương Việt nam cộng (+) biên độ 3,5%/năm và không thấp hơn sàn lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng Công Thương Việt Nam tại thời điểm đó.

Mục đích sử dụng tiền vay: đầu tư thực hiện Dự án đầu tư Bến số 2 – Cảng Chân Mây giai đoạn 1 tại vịnh Chân Mây, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản hình thành từ dự án, bao gồm tất cả công trình xây dựng, máy móc thiết bị thuộc Bến số 2 – Cảng Chân Mây giai đoạn 1 và các tài sản khác đủ điều kiện nhận theo quy định của Bên cho vay. Đồng thời nhận thế chấp bổ sung các tài sản là: Quyền sử dụng đất của toàn bộ dự án và lưu giữ toàn bộ bản chính hồ sơ pháp lý của dự án; các quyền tài sản phát sinh trong quá trình thực hiện dự án như quyền tài sản đối với các hợp đồng thi công xây dựng, hợp đồng mua/nhập khẩu máy móc thiết bị, quyền thụ hưởng bảo hiểm và các quyền khác theo quy định của Pháp luật (xem thuyết minh số V.10, V.15).

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**21. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

| | Số đầu năm | Tăng do trích lập trong năm | Số sử dụng trong năm | Số cuối năm |
|---|------------|-----------------------------|----------------------|-----------------------|
| Dự phòng chi phí sửa chữa, bảo dưỡng TSCD định kỳ | - | 18.900.000.000 | 6.894.227.407 | 12.005.772.593 |
| Dự phòng sửa chữa cầu cảng | - | 12.900.000.000 | 6.894.227.407 | 6.005.772.593 |
| Dự phòng sửa chữa tàu lai | - | 4.000.000.000 | - | 4.000.000.000 |
| Dự phòng nạo vét bến số 1 | - | 2.000.000.000 | - | 2.000.000.000 |
| Cộng | - | 18.900.000.000 | 6.894.227.407 | 12.005.772.593 |

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Số đầu năm | Tăng trong năm | Chi trong năm | Số cuối năm |
|-----------------|----------------------|----------------|--------------------|----------------------|
| Quỹ khen thưởng | 1.763.994.144 | - | 681.000.000 | 1.082.994.144 |
| Quỹ phúc lợi | 1.225.748.498 | - | 257.153.001 | 968.595.497 |
| Cộng | 2.989.742.642 | - | 938.153.001 | 2.051.589.641 |

23. Vốn chủ sở hữu**23.a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | LNST chưa phân phối | Cộng |
|-----------------------------|------------------------|-----------------------|-------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 324.054.150.000 | 27.259.580.782 | (9.361.802.894) | 341.951.927.888 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | (7.396.155.868) | (7.396.155.868) |
| Trích lập các quỹ | - | - | - | - |
| Chia cổ tức cho các cổ đông | - | - | - | - |
| Số dư cuối năm trước | 324.054.150.000 | 27.259.580.782 | (16.757.958.762) | 334.555.772.020 |
| Số dư đầu năm nay | 324.054.150.000 | 27.259.580.782 | (16.757.958.762) | 334.555.772.020 |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | 25.560.239.589 | 25.560.239.589 |
| Trích lập các quỹ | - | - | - | - |
| Chia cổ tức cho các cổ đông | - | - | - | - |
| Số dư cuối năm nay | 324.054.150.000 | 27.259.580.782 | 8.802.280.827 | 360.116.011.609 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**23.b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-------------------|------------------------|-------------------|------------------------|
| | Tỷ lệ vốn góp (%) | Vốn góp | Tỷ lệ vốn góp (%) | Vốn góp |
| Vốn góp của cổ đông Nhà nước - Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy | 98,89% | 320.444.250.000 | 98,89% | 320.444.250.000 |
| Vốn góp của các cổ đông khác | 1,11% | 3.609.900.000 | 1,11% | 3.609.900.000 |
| Cộng | 100,00% | 324.054.150.000 | 100,00% | 324.054.150.000 |

23.c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------------|-----------------|-----------------|
| - Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| + Vốn góp đầu năm | 324.054.150.000 | 324.054.150.000 |
| + Vốn góp tăng trong năm | - | - |
| + Vốn góp giảm trong năm | - | - |
| + Vốn góp cuối năm | 324.054.150.000 | 324.054.150.000 |
| - Cổ tức, lợi nhuận đã chia | - | - |
| - Cổ tức lợi nhuận đã chi | (7.466.351.025) | (1.025.421.600) |

23.d. Cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 32.405.415 | 32.405.415 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 32.405.415 | 32.405.415 |
| - Cổ phiếu thường | 32.405.415 | 32.405.415 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu thường | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 32.405.415 | 32.405.415 |
| - Cổ phiếu thường | 32.405.415 | 32.405.415 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu) | 10.000 | 10.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Đơn vị tính: VND)****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | Năm nay | Năm trước |
|---|------------------------|------------------------|
| Doanh thu với các bên liên quan | - | - |
| Doanh thu với các đối tượng khác | 383.208.049.101 | 227.424.257.898 |
| - Doanh thu cung cấp dịch vụ | 332.908.805.471 | 185.359.495.544 |
| - Doanh thu bán hàng hóa | 50.299.243.630 | 42.064.762.354 |
| Cộng | 383.208.049.101 | 227.424.257.898 |

2. Giá vốn hàng bán

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------------|------------------------|------------------------|
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 245.497.841.163 | 141.936.069.188 |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 47.653.102.053 | 40.049.425.182 |
| Cộng | 293.150.943.216 | 181.985.494.370 |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 1.422.732.624 | 2.053.459.053 |
| Chiết khấu | 50.776.500 | 43.128.100 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 39.784.928 | - |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 19.926.800 | 39.189.694 |
| Cộng | 1.533.220.852 | 2.135.776.847 |

4. Chi phí tài chính

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền lãi vay | 14.084.564.075 | 18.992.882.156 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 14.298.841 | - |
| Cộng | 14.098.862.916 | 18.992.882.156 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 1.260.274.290 | 848.315.200 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 96.115.514 | 96.115.512 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 307.098.244 | 385.604.711 |
| Chi phí bằng tiền khác | 1.307.789.200 | 1.194.885.150 |
| Cộng | 2.971.277.248 | 2.524.920.573 |

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 23.293.958.626 | 15.588.885.443 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 2.559.231.685 | 2.319.995.634 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 1.637.785.689 | 1.715.662.326 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | 36.759.057 | - |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 4.703.919.564 | 5.405.531.725 |
| Chi phí bằng tiền khác | 13.698.788.671 | 8.402.351.867 |
| Cộng | 45.930.443.292 | 33.432.426.995 |

7. Thu nhập khác

| | Năm nay | Năm trước |
|-------------------------|------------------|-------------------|
| Xử lý công nợ nhỏ lẻ | 1.000.911 | 9.702.626 |
| Các khoản thu nhập khác | 179.679 | 12.987.481 |
| Cộng | 1.180.590 | 22.690.107 |

8. Chi phí khác

| | Năm nay | Năm trước |
|---|--------------------|-------------------|
| Chi phí đền bù thiệt hại cho khách hàng | 76.647.500 | - |
| Tiền phạt vi phạm hành chính | 23.045.426 | 34.378.401 |
| Chi phí khác | 430.996 | 618.616 |
| Cộng | 100.123.922 | 34.997.017 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 21.441.093.928 | 21.074.729.432 |
| Chi phí nhân công | 73.553.850.638 | 49.548.547.993 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 33.442.300.202 | 34.442.728.314 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 131.311.475.419 | 41.719.926.594 |
| Chi phí khác | 22.608.309.863 | 31.107.484.423 |
| Cộng | 282.357.030.050 | 177.893.416.756 |

10. Lãi trên cổ phiếu**10.a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

| | Năm nay | Năm trước |
|---|----------------|-----------------|
| - Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 25.560.239.589 | (7.396.155.868) |
| - Các khoản điều chỉnh tăng, giảm để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 25.560.239.589 | (7.396.155.868) |
| - Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu) | 32.405.415 | 32.405.415 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu) | 789 | (228) |

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--|-------------------|-------------------|
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 32.405.415 | 32.405.415 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại | - | - |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành | - | - |
| Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân | 32.405.415 | 32.405.415 |

10.b. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

| | Năm nay | Năm trước |
|---|----------------|-----------------|
| - Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 25.560.239.589 | (7.396.155.868) |
| - Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận | - | - |
| - Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu | 25.560.239.589 | (7.396.155.868) |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu | 32.405.415 | 32.405.415 |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu) | 789 | (228) |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10.c. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1.a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

| STT | Thành viên Ban lãnh đạo | Chức danh | Năm nay | | | |
|------------------|----------------------------|---|----------------------|--------------------|-------------------|----------------------|
| | | | Lương, thưởng | Thù lao | Cổ tức/khác | Cộng |
| 1 | Dương Bá Hòa | Chủ tịch HĐQT | 518.386.243 | - | 5.500.000 | 523.886.243 |
| 2 | Huỳnh Văn Toàn | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | 527.650.794 | 36.000.000 | 5.500.000 | 569.150.794 |
| 3 | Trần Văn Phong | Thành viên HĐQT | 414.708.995 | - | 5.500.000 | 420.208.995 |
| 4 | Hồ Hoàng Thi | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc | 462.708.995 | 36.000.000 | 5.500.000 | 504.208.995 |
| 5 | Nguyễn Tiến Đạt | Thành viên HĐQT | - | 36.000.000 | - | 36.000.000 |
| 6 | Ngô Khánh Toàn | Kế toán trưởng | 462.708.995 | - | 5.500.000 | 468.208.995 |
| 7 | Nguyễn Thành Công | Phó Tổng giám đốc | 414.708.995 | - | 5.500.000 | 420.208.995 |
| 8 | Nguyễn Văn Chương | Phó Tổng giám đốc | 462.708.995 | - | 5.500.000 | 468.208.995 |
| 9 | Lê Chí Phai | Phó Tổng giám đốc | 414.708.995 | - | 5.500.000 | 420.208.995 |
| 10 | Phan Tuấn Anh | Trưởng ban kiểm soát | 414.708.995 | - | 5.500.000 | 420.208.995 |
| 11 | Nguyễn Công Định | Thành viên BKS | - | 24.000.000 | - | 24.000.000 |
| 12 | Đoàn Quang Vũ | Thành viên BKS | 272.037.186 | - | 5.500.000 | 277.537.186 |
| Tổng cộng | | | 4.365.037.188 | 132.000.000 | 55.000.000 | 4.552.037.188 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| STT | Thành viên Ban lãnh đạo | Chức danh | Năm trước | | | Cộng |
|------------------|----------------------------|---|----------------------|--------------------|----------|----------------------|
| | | | Lương, thưởng | Thù lao | Cổ tức | |
| 1 | Dương Bá Hòa | Chủ tịch HĐQT | 415.147.815 | - | - | 415.147.815 |
| 2 | Huỳnh Văn Toàn | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | 438.164.262 | 36.000.000 | - | 474.164.262 |
| 3 | Trần Văn Phong | Thành viên HĐQT | 307.625.309 | - | - | 307.625.309 |
| 4 | Hồ Hoàng Thi | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc | 346.201.393 | 36.000.000 | - | 382.201.393 |
| 5 | Nguyễn Tiến Đạt | Thành viên HĐQT | - | 36.000.000 | - | 36.000.000 |
| 6 | Ngô Khánh Toàn | Kế toán trưởng | 351.625.393 | - | - | 351.625.393 |
| 7 | Nguyễn Thành Công | Phó Tổng giám đốc | 329.124.025 | - | - | 329.124.025 |
| 8 | Nguyễn Văn Chương | Phó Tổng giám đốc | 370.094.523 | - | - | 370.094.523 |
| 9 | Lê Chí Phai | Phó Tổng giám đốc | 348.114.682 | - | - | 348.114.682 |
| 10 | Phan Tuấn Anh | Trưởng ban kiểm soát | 307.625.393 | - | - | 307.625.393 |
| 11 | Nguyễn Công Định | Thành viên BKS | - | 24.000.000 | - | 24.000.000 |
| 12 | Đoàn Quang Vũ | Thành viên BKS | 190.256.026 | - | - | 190.256.026 |
| Tổng cộng | | | 3.403.978.821 | 132.000.000 | - | 3.535.978.821 |

1.b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy là công ty mẹ với tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết tương ứng 98,89%.

Giao dịch với các bên liên quan khác

| Giao dịch | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------------------|---------------|---------------|
| Chi trả cổ tức | | |
| Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy | 7.466.351.025 | 1.025.421.600 |

Công nợ với các bên liên quan khác

| Số dư | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả khác | | |
| Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy | 44.243.128.464 | 51.709.479.489 |
| - Phải trả lãi vay | 16.684.922.964 | 16.684.922.964 |
| - Phải trả cổ tức | 27.558.205.500 | 35.024.556.525 |
| | 44.243.128.464 | 51.709.479.489 |

2. Các cam kết

Theo thỏa thuận ngày 26/05/2015 giữa Công ty THHH Một thành viên Cảng Chân Mây (nay là Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây) và Hãng Du lịch Tàu biển Royal Caribbean, Royal Caribbean sẽ được ưu tiên sử dụng bến cập tàu và phải trả trước phí dịch vụ và phí hành khách nhằm hỗ trợ tài chính cho việc thi công dự án mở rộng và nâng cấp bến cập tàu của Cảng Chân Mây. Giá trị trả trước này sẽ được trừ dần vào phí dịch vụ và phí hành khách thực tế phát sinh từng lần. Trừ trường hợp chấm dứt trước thời

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

hạn, thỏa thuận này có thời hạn 10 năm kể từ ngày 26/05/2015. Công ty đang thực hiện đàm phán gia hạn hợp đồng nêu trên thêm 2 năm.

3. Báo cáo bộ phận

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| | Hoạt động dịch vụ tàu biển | Hoạt động kinh doanh xăng dầu | Cộng |
|--|-------------------------------|----------------------------------|-----------------|
| Năm nay | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 332.908.805.471 | 50.299.243.630 | 383.208.049.101 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 332.908.805.471 | 50.299.243.630 | 383.208.049.101 |
| Giá vốn bộ phận | 245.497.841.163 | 47.653.102.053 | 293.150.943.216 |
| Lợi nhuận gộp bộ phận | 87.410.964.308 | 2.646.141.577 | 90.057.105.885 |
| Năm trước | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 185.359.495.544 | 42.064.762.354 | 227.424.257.898 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 185.359.495.544 | 42.064.762.354 | 227.424.257.898 |
| Giá vốn bộ phận | 141.936.069.188 | 40.049.425.182 | 181.985.494.370 |
| Lợi nhuận gộp bộ phận | 43.423.426.356 | 2.015.337.172 | 45.438.763.528 |

Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty đều được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Số liệu so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng.

5. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

BÙI THỊ NGỌC LINH

Người lập biểu

NGÔ KHÁNH TOÀN

Kế toán trưởng



Phú Lộc, ngày 15 tháng 02 năm 2025

HUỲNH VĂN TOÀN

Tổng Giám đốc



